

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 02-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Cao Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Kim D; sinh năm 1987 tại xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã G2, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Ki ốt số Y, khu du lịch Q, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): **09/12**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang L1 và bà Lưu Thị L; có chồng là Nguyễn Văn N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08- 11- 2020 đến ngày 10- 11- 2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác; hiện tại ngoại tại địa phương theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01 ngày 20- 01- 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy; “có mặt”.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Ngọc T; “vắng mặt”.

2. Anh Trịnh Văn C; “vắng mặt”.

3. Chị Cà Thị P; “vắng mặt”.

4. Chị Vi Thị T1; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 08- 11- 2020, Trịnh Văn C và Phạm Ngọc T đến ki ốt số X (do Đỗ Thị Kim D làm chủ) mang tên B tại khu du lịch Q, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N uống nước. Trong lúc ngồi uống nước C đặt vấn đề với Đỗ Thị Kim D bố trí cho 02 nhân viên nữ để C và T mua sâm, D đồng ý. D nói với Cà Thị P (là nhân viên giúp việc của ki ốt số 133) tiếp khách, P hiểu ý là bán sâm nên đồng ý. D bố trí P và T vào phòng số 102 của ki ốt để mua sâm. Sau đó, D điện thoại đến ki ốt số 91 thì chị Vi Thị T1 (là nhân viên giúp việc của ki ốt số 91) nghe máy, ki ốt do ông Đỗ Quang L và bà Lưu Thị L1 làm chủ (ông L và bà L1 là bố mẹ đẻ của D). D nói với T1 “đi khách không em”, T1 hiểu ý là đi bán sâm nên đồng ý. Nguyễn Văn C thanh toán cho D 400.000 đồng tiền 02 ca mua sâm. Một lúc sau, T1 đến ki ốt số X, D bố trí cho C và T1 vào phòng số 103 của ki ốt để mua sâm. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi T và P đang thực hiện hành vi mua bán sâm tại phòng số 102; C và T1 đang thực hiện hành vi mua sâm tại phòng số 103 của ki ốt số 133 thì bị đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Giao Thủy tuần tra phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại phòng 102 gồm 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách và 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng; thu giữ tại phòng 103 gồm 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách và 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng. Tiến hành khám xét khẩn cấp tổ công tác còn thu giữ 06 bao cao su chưa qua sử dụng gồm 04 bao cao su nhãn hiệu Doctor và 02 bao cao su nhãn hiệu IWMS. D tự giác giao nộp 400.000 đồng, D khai đó là tiền mua bán sâm mà có, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 105 bên trong nắp sim thuê bao 0904622121. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và thu giữ các vật chứng có liên quan đưa về Công an huyện Giao Thủy.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Đỗ Thị Kim D về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Kim D phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim D từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 400.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 105; tịch thu cho tiêu huỷ 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 02 ruột

bao cao su đã qua sử dụng; 01 sim có số thuê bao 0904622121; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 08- 11- 2020, tại ki ốt số X mang tên B thuộc khu du lịch Q, thị trấn Q, huyện G, tỉnh N, do Đỗ Thị Kim D quản lý, Công an huyện Giao Thủy đã bắt quả tang Đỗ Thị Kim D đã có hành vi bố trí cho Phạm Ngọc T mua dâm với Cà Thị P tại phòng số 102 và Trịnh Văn C mua dâm với Vi Thị T1 tại phòng số 103, D đã thu của C 400.000đ tiền mua dâm của T và C. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc, danh dự, nhân phẩm của con người, là mầm mống lây truyền vi rút HIV-AIDS và các bệnh xã hội khác, gây dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3 do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng,

do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt tù, nhưng chưa cần thiết phải buộc bị cáo phải tập trung cải tạo mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, phải nuôi con còn nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với các đối tượng Phạm Ngọc T, Trịnh Văn C, Cà Thị P và Vi Thị T1 đã có hành vi mua bán dâm. Công an huyện Giao Thủy đã xử lý bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với vợ chồng ông Đỗ Quang L và bà Lưu Thị L1 (là chủ ki ốt Y) khi Vi Thị T1 đi bán dâm vợ chồng ông L, bà L1 không biết nên vấn đề xử lý không đặt ra.

Đối với 04 bao cao su nhãn hiệu Doctor màu trắng, chữ đỏ còn nguyên vẹn chưa qua sử dụng; 02 bao cao su nhãn hiệu IWMS in hoa văn bông hoa màu đỏ còn nguyên vẹn chưa qua sử dụng cơ quan Cảnh sát điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền 400.000 đồng là tiền mua bán dâm và 01 điện thoại di động Nokia model 105 thu giữ của Đỗ Thị Kim D là phương tiện đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng; 01 sim có số thuê bao 0904622121 để tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Kim D phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim D 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án (Bị cáo đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08- 11- 2020 đến ngày 10- 11- 2020).

Giao các bị cáo Đỗ Thị Kim D cho Ủy ban nhân dân xã G2, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa

án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động Nokia model 105 thu giữ của Đỗ Thị Kim D sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng; 01 sim có số thuê bao 0904622121 để tiêu hủy (Ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19 - 01 - 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Thị Kim D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đỗ Thị Kim D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- CQĐT Công an huyện Giao Thủy;
- CQ THAHS Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã G2;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ